

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH
ĐOÀN TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG
ĐƯỢC HỖ TRỢ ĐOÀN HỮU NGHỊ BỞI DỊCH COVID-19 TẠI TP. LONG KHÁNH**

(Kèm theo Quyết định số: **3761** /QĐ-UBND ngày **13 tháng 10 năm 2020** của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
1	PHƯỜNG XUÂN AN							583.800.000	
1	Lê Thị Trinh		15/5/1935	270560414	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
2	Nguyễn Thị Tý		25/5/1935	270584983	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
3	Hoàng Thị Khuyên		10/8/1935	270589326	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
4	Diệc Châu		1/1/1921	270584107	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
5	Trần Thị Mai		1/1/1933	270584192	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
6	Nguyễn Thị Yến		01/01/1939	270582703	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
7	Đieu Phong Nhin		1/1/1924	270560222	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
8	Đặng Văn Máy		1/1/1932	270560723	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
9	Trần Thị Tình		01/01/1940	270583060	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
10	Vân Thị Hóm		01/01/1940	270560847	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
11	Nguyễn Văn Anh		01/01/1938	272450455	KP5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
12	Hồ Phú		1/1/1925	276560455	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
13	Nguyễn Thị Doan		1/1/1933	270583290	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
14	phạm Thị Sương		01/01/1940		Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
15	Phan Thị Trâm		1/1/1932	271967698	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
16	Phạm Thị Nga		01/10/1938		Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
17	Nguyễn Thị Phương		25/6/1935	271048230	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
18	Nguyễn Thị Diệu		1/1/1932	270552318	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
19	Lâm Thị Xe		01/01/1939	270582143	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
20	Nguyễn Thị Mùi		1/1/1929	270582688	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
21	Hồ Thị Mai		01/01/1940	270582658	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
22	Trần Thị Dồi		01/01/1940	230120043	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
23	Huỳnh Thị Cúc		8/3/1940	270144172	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
24	Nguyễn Thị Châu		1/1/1933		KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
25	Nguyễn Thị Đầu		1/1/1934	270584228	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
26	Liêu Vĩnh Tân	1/1/1922		270560796	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
27	Tăng Thị Nhân		1/1/1936	270560670	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
28	Lộc Sỹ		1/1/1920	270584287	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
29	Đoàn Kim Thạch	1/1/1934		270560366	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
30	Đặng Thị Hợi		1/1/1933	270583478	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
31	Nguyễn Thị Nhỏ		8/10/1933	270583102	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
32	Vũ Thị Chức		1/1/1935	272014542	KP6	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
33	Vòng Tài Mùi		1/1/1933	270584002	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
34	Đinh Thị Bốn		01/01/1939		Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
35	Tàng Lâm Mùi		01/01/1940	270583972	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
36	Nguyễn Đắc	11/8/1918		270583134	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
37	Võ Thị Rung		8/7/1936	270582932	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
38	Nguyễn Văn Năm	12/03/1940		270560226	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
39	Trần Thị Hai		1/1/1933	270582032	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
40	Thoáng Ứng Mùi		10/11/1936	270567695	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
41	Lý Thị Tuyết		5/6/1937	270194561	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
42	Nguyễn Xuân Lớn	17/5/1932		270583506	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
43	Phạm Thị Thu		1/1/1937	270582482	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
44	Nguyễn Thị Kim		1/1/1925	270502243	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
45	Trần Thị Viễn		1/1/1936	270572538	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
46	Phí Thị Vui		1/1/1920	190330699	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
47	Hoàng Thị Mai		24/8/1938	270583837	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
48	Nguyễn Thị Chờ		8/12/1937	270564338	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
49	Nguyễn Thị Dung		01/01/1937	270561328	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
50	Nguyễn Thị Năng		1/1/1931	270560674	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
51	Lê Thị Tâm		01/01/1938	270669588	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
52	Nguyễn Thị Tư		1/1/1931		KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
53	Hứa Đình Phác	01/01/1939		381888272	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
54	Đoàn Thị Tho		01/01/1937	270586760	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
55	Trần Thị Hòa		1/1/1932	270583825	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
56	Phạm Văn Đức	01/01/1940			Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
57	Nguyễn Thị Bảy		1/1/1933	270523859	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
58	Lê Thuyên	1/1/1935		270583135	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
59	Cao Thị Thoại		01/01/1938	270584259	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
60	Phan Thị Thê		20/8/1937	100413888	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
61	Nguyễn Thị Lễ		1/1/1937	270583519	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
62	Phạm Thị Hiền		1/1/1936	270573383	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
63	Nguyễn Thị Đài		1/1/1932	170560281	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
64	Ph. Thị Ngọc Lan		1/1/1923		KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
65	Bùi Thị Tý		8/8/1935	270583269	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
66	Trần Yến	13/8/1937		270584057	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
67	Trương Thị Khư		1/1/1933	270583147	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
68	Nguyễn Hữu Hòa	28/4/1934		270120781	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
69	Phan Thị Hôi		10/4/1935	270527357	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
70	Chánh A Mân		18/12/1936	270582583	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
71	Phan Thị Quý		1/1/1922		KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
72	Lý Thị Tư		1/1/1936	270561930	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
73	Trần Thị Kim Phi		1/1/1936	270583241	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
74	Võ Thị Hưng		01/01/1937	27287467	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
75	Trần Ngọc Diệu	1/1/1924		270560651	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
76	Ngô Thị Hằng		1/1/1935	270137464	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
77	Lê Thị Long		01/01/1939	271917537	Kp6	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
78	Lê Thị Lê		20/7/1934	270583405	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
79	Trần Thị Vương		1/1/1938	270952935	KP5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
80	Bùi Thị Tuất		1/1/1934		KP6	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
81	Nguyễn Thị Thu		10/20/1936	270136589	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
82	Phạm Thị Khuy		3/3/1932	270584214	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
83	Nguyễn Thị Gió		01/01/1940		Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
84	Nguyễn Thị Chung		1/1/1935	270582753	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
85	Nguyễn Thị Lan		1/1/1935	272003425	KP6	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
86	Trương Thị Liên		1/1/1925	270561924	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
87	Nguyễn Văn Đẻ	1/1/1932		270583251	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
88	Đặng Văn Đang	1/1/1935		270583259	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
89	Võng Mộc Sáng	05/10/1937		270582224	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
90	lê Văn Ngành	01/01/1938		270560452	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
91	Dương Văn Đình	1/1/1925		270560340	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
92	Vũ Thị Gấm		1/1/1935	270569293	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
93	Dẫn Tác Ôn	27/7/1925		271836371	KP1	Người cao tuổi	300.000	500.000	Chết 22/4
94	Đường Thị Rừng		01/01/1939	271215767	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
95	Trần Thị Diên		3/5/1935	270983409	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
96	Doãn Thị Bảy		01/01/1937	270584181	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
97	Trần Văn Phường	1/1/1932		184184969	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
98	Nguyễn Thị Thanh		01/01/1940	270560480	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
99	Phạm Thị Đình		20/5/1938	270582328	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
100	Đào Thị Hồng		1/4/1936	274758086	KP5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
101	Nguyễn Thị Em		1/1/1929	270560420	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
102	Đỗ Văn Trơ	1/1/1934			KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
103	Nguyễn Thị Đang		10/12/1929	270582412	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
104	Phan Văn Mới	1/1/1931		272558927	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
105	Trần Thị Lan		25/1/1935	270583237	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
106	Dương Thị Yến		9/10/1931	270564839	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
107	Lê Thị Loan		01/01/1939	270724991	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
108	Lâm Ngọc Linh	4/3/1938		270822276	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
109	Trần Thị Hoa		20/4/1937	270583501	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
110	Huỳnh Liên	6/8/1935		270582975	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
111	Hoàng Thị Trâm		01/01/1938	270582092	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
112	Nguyễn Thị Tàu		1/1/1935	270547150	KP6	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
113	Trần Văn Mỹ	01/01/1937		270560536	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
114	Võ Thị Minh		1/1/1931	270560567	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tương Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
115	Tiểu Phùng Thanh		1/1/1934	270583880	Kp4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
116	La Thị Vang		1/1/1931	270582644	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
117	Trương Xuân Thảo	1/1/1931		270560904	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
118	Nguyễn Thị Long		1/1/1931	270582836	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
119	Chị San Cheng	2/2/1936		270560063	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
120	Nguyễn Thị Sa		01/01/1940	270583915	Kp3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
121	Nguyễn Thị Thanh		10/10/1938	270534232	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
122	Lê Thị Già		21/1/1926	270583130	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
123	Nguyễn Thị Quýt		1/1/1927	272582144	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
124	Lê Tuyên	4/5/2019		270583185	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
125	Nguyễn Thị Hạnh		23/10/1927	270583587	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
126	Trương Hữu Dao	1/1/1936		270781789	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
127	Nguyễn Thị Đàm		1/1/1929	270582097	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
128	Ngô Thị Từ		1/1/1928	270582670	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
129	Vũ Thị Hữu		05/4/1937	270585530	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
130	Phạm Thị Vân		1/1/1936	270593762	KP6	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
131	Nguyễn Thị Théo		23/02/1936	260156856	Kp6	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
132	Nguyễn Thị Truong		3/4/1937	270584265	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
133	Võ Ngọc Thìn	01/01/1939		270583209	Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
134	Mai Thị Quyên		1/1/1935	270723252	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
135	Nguyễn Thị Sò		8/9/1937	270560225	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
136	Nguyễn Lương	10/10/1937		270822302	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
137	Lý Văn Muốn	1/1/1939		270583172	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
138	Lê Văn Đức	16/5/1939		270582555	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
139	Trì Thị Dư		6/10/1936	270582840	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
140	Nguyễn Thị Bàn		1/1/1936	270586047	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
141	Lâm Thị Phước		1/1/1930	270560370	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
142	Vòng Sỹ		01/01/1937	270582400	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
143	Trần Thị Thi		1/1/1929	380666097	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
144	Vũ Thị Hiền		1/1/1933	271074885	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
145	Nguyễn Thị Giương		2/2/1934	270583455	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
146	Nguyễn Thị Năm		15/5/1929	270583785	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
147	Trần Xuân Hùng	16/5/1926		270583849	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
148	Hầu Sỹ Mùi		1/1/1929	270583775	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
149	Trương Góc	1/7/1937		270584200	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
150	Lưu Thị Chương		10/2/1930	270584009	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
151	Đặng Thị Biên		1/1/1935	270560865	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
152	Nguyễn Thị Hương		1/1/1930	280024025	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
153	Trần Thị Tùng		1/1/1935	270527260	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
154	Nguyễn Thị Dơi		15/2/1927	260328952	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
155	Phạm Khánh Bình		1/1/1935	270562160	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
156	Diệp Thị Thuận		1/1/1936	270489693	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
157	Tạ Thị Chức		1/1/1933	100560827	KP5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
158	Phạm Thị Chín		1/1/1929	270573754	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
159	Lý Nhi Mùi		5/1/1934	270583232	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
160	Nguyễn Thị Tý		1/1/1923	270583373	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
161	Nguyễn Thị Đây		1/1/1928		KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
162	Hồng Thị Bưởi		1/1/1927	270584070	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
163	Ngô Thị Nhỏ		1/1/1927	273163207	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
164	Nguyễn Tấn Thanh	19/8/1931		2713677607	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
165	Chương Minh Vénh		01/8/1937	271085385	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
166	Nguyễn Thị Tư		1/1/1935	270527146	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
167	Phạm Đồng	1/1/1930		270583309	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
168	Nguyễn Thị Huệ		1/1/1929	260397369	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
169	Lê Ngọc Ban	1/1/1928		270583108	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
170	Phạm Khắc Đoạt	9/13/1936		272251477	KP6	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
171	Phạm Thị Vê		1/1/1928	639797741	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
172	Trần Lương	1/1/1926		270584302	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
173	Trịnh Thị Lang		10/01/1940	272014512	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
174	Nguyễn Thị Cừ		1/1/1932	120600065	KP6	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
175	Phạm Thị Thét		01/01/1937	272014606	Kp6	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
176	Lương A Séc	11/11/1930		270582375	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
177	Phan Như Chùy	06/10/1939		270584230	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
178	Thị Rười		01/01/1939	270583281	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
179	Bùi Hữu Phúc	1/1/1932		270560838	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
180	Hoàng Phúc	13/10/1935		270583373	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
181	Từ Thị Y		1/1/1927	270583353	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
182	Lê Thị Mai		1/1/1934	272003715	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
183	Phạm Đình Chiến	01/01/1938			KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
184	Đặng Thị Em		1/1/1931	270560980	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
185	Nguyễn Thị Bảy		1/1/1938	270583515	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
186	Nguyễn Thị Bích		1/1/1932	272558926	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
187	Phạm Thị Nối		2/6/1937	270734574	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
188	Lê Thị Sáu		10/6/1937	272613429	KP6	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
189	Huỳnh Thị Mỹ Châu		20/12/1939	270669592	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
190	Nguyễn Thị Ty		7/10/1935	270583935	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
191	Tô Lê Văn	28/8/1937		270561920	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
192	Nguyễn Trần	01/01/1937		270560267	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
193	Nguyễn Ba	06/6/1933		270560712	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
194	Nguyễn Văn Điều	01/11/1938		270583611	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
195	Bùi Thị Đào		29/01/1940		KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
196	Trần Thị Thùy		1/1/1929	181031336	KP6	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
197	Nguyễn Quang Bái	1/1/1933		276532008	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
198	Châu Thị Lê		16/8/1925	270557311	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
199	Huỳnh Thị Tư		16/07/1939	270582064	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
200	Phan Giác	1/1/1931		270582217	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
201	Nguyễn Thị Nhan		01/01/1940	270580148	KP6	Người cao tuổi	300.000	500.000	Chết 21/4
202	Mai Lê Hoa		1/1/1935	270562848	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
203	Nguyễn Văn Tuyến	01/01/1938		270791475	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
204	Trần Anh	1/1/1935		270560523	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
205	Trần Thị Kim Lan		01/01/1939	270584016	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
206	Hồ Liên Ngan		1/1/1928	270560322	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
207	Lê Văn Phùng	1/1/1929		270561896	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
208	Trần Văn Lợi	1/1/1935		270526997	KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
209	Bùi Gia Cư	1/1/1937		270520188	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
210	Phạm Thị Nhị		1/1/1931	270560045	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
211	Nguyễn Thị Cự		30/10/1937	278582982	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
212	Hoàng Thị Tinh		14/6/1932	270560057	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
213	Đoàn Thị Nhiều		1/1/1932	270583889	KP5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
214	Nguyễn Thị Cẩm		1/1/1930	271988522	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
215	Nguyễn Thị Nhâm		10/4/1934	190876006	KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
216	Nguyễn Thị Bàng		12/6/1931	270561853	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
217	Lý Cầu Mùi		10/02/1936	270593839	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
218	Lưu Cường	01/01/1940			Kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
219	Võ Thị Mãng		1/1/1943		KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
220	Nguyễn Thị Năm		1/1/1928	270561903	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
221	Lê Quang Bường	12/5/1938		270822291	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
222	Nguyễn Thị Nhung		12/22/1938	272631587	KP6	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
223	Trần Bá Thành	1/3/1957		136241368	KP5	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
224	Từ Thị Duyên		1/1/1938	270583164	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
225	La Thị Tâm		1/1/1923	270583243	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
226	Nguyễn Thị Lan		1/1/1932	2705816583	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
227	Trần Văn Lợi	21/4/1938		270724409	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
228	Hồ Đình Sang	4/9/1948		270526930	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
229	Trần Thị Vỹ		1/1/1938	270822304	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
230	Đoàn Thị Kim Hương		6/6/1949	270584566	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
231	Phan Minh Quang	25/6/1955		272496729	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
232	Nguyễn Thị Ván		1/1/1919	270582469	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
233	Nguyễn Thị Ván		10/11/1926	273012867	KP5	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
234	Nguyễn Thị Chút		19/12/1937	274030750	KP6	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
235	Vũ Văn Sơn	1/1/1957			KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
236	Trần Thị Huệ		1/1/1936	271205732	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
237	Nguyễn Thị Thuộc		1/1/1931	270526953	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
238	Nguyễn Thị Hương		5/4/1956	270118214	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
239	Đỗ Thị Tho		1/1/1925		KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
240	Đào Công Cừ	1/1/1940		272003819	KP6	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
241	Trần Thị Sân		1/1/1944	270560839	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
242	Đặng Thị Cơ		1/1/1930	270584379	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
243	Lê Văn Hạnh	20/10/1957		270584231	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
244	Bùi Thị Bình		1/1/1935	270582620	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
245	Phạm Thị Yêu		1/1/1938	270828949	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
246	H. Trọng Khanh	27/9/1927		270582645	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
247	Đỗ Văn Phước	10/8/1937		270781789	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
248	Ng. Văn Mạnh	17/8/1930		271075188	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
249	Nguyễn Thị Liên		1/1/1929	270583602	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
250	Đinh Mộng Lân	6/6/1948		271917833	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
251	Nguyễn Cao Kỳ	16/12/2003			KP6	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
252	Nguyễn Thiên Thảo		8/4/2008		KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
253	Tổng Trần Nhật	9/11/2007			KP6	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
254	Huyền Tiên Phát	14/1/2007			KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
255	Nguyễn Đức Huy	7/10/2010			KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
256	Ng. Thị Thảo Trâm		14/11/2009		KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
257	Hoàng Ng. Anh Vũ	18/1/2008			KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
258	Trịnh Ngọc Hân		2/1/2008		KP6	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
259	Trần Thị Mỹ Lan		1/1/1964		KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
260	Phạm Văn Hiệp	1/1/1966		270822514	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
261	Phan Hữu Phúc	20/1/1964		270573018	KP6	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
262	Mai Thị Hiền		1/1/1976	272335866	KP6	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
263	Nguyễn Gia Nghi		24/5/2002		KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
264	Lâm Kim Nhung		1/1/1968		KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
265	Lê Thị Bích Chi		28/12/1994		KP6	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
266	Tr. Thị Th. Dương		1/1/1968		KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
267	Ng. Trung Hậu	1/1/1994			KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
268	Tương C. Dương	23/2/1986			KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
269	Đinh Quốc Tuấn	4/11/1986		271831596	KP5	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
270	Ng. Thị Th. Cúc		1/1/1976	272508458	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
271	Võong Trung Kiệt	1/1/1982		271601130	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
272	Võong Chung Sin	1/1/1980		271728634	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
273	Tạ Thị Xuân		1/1/1960	272423481	KP6	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
274	Phạm Ba Nhật Tài	2/6/1986		271603833	KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
275	Châu Văn Hồ	1/1/1974		271048472	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
276	Nguyễn Văn Tin	14/4/1364		270572581	KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
277	Ng. Thị K. Nhung		30/6/1990	270868329	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
278	Ng. Thị Th. Hà		5/11/1964	210914443	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
279	Ng. Thanh Sơn	13/10/1973		271172273	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
280	Vũ Thành An	1/1/1986		272497249	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
281	Trần Văn Danh	1/1/1962		270522597	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
282	Phạm Hữu Phong	1/1/1993			KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
283	Diệp Anh Tuấn	14/8/1991		270139302	KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
284	Ng. Huỳnh Thảo Hiền		4/10/1984	270582617	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
285	Dương Thị Minh Hải		21/11/1980	272335994	KP6	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
286	Lê Quốc Duy	14/07/2002			KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
287	Nguyễn Đức Sinh	16/6/1966		271367922	KP6	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
288	Võ Đình Tùng	11/3/1970		272014993	KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
289	Hà Lê Bảo Anh		20/12/2016		KP1	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
290	Ph. Thị Hoàng Dung		10/12/2013		KP1	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
291	Trần Thị Bình		10/10/1956	271172425	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
292	Huỳnh Thị Hoa		25/8/1943	270560151	KP4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
293	Trần Thị Châu		1/1/1929	270580259	KP6	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
294	Nguyễn Thị Chính		1/1/1935		KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
295	Bùi Văn Bình	7/4/1951		270563708	KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
296	Trang Như Trục	1/1/1952		270582437	KP3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
297	Trần Thị Năm		5/5/1958		KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
298	Đinh Thị Mừng		5/8/1935	270560925	KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
299	Mai Văn Xa	5/23/1956		270561939	KP6	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
300	Châu Văn Rớt	3/24/1947		270561988	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
301	Nguyễn Văn U'óc	31/3/1952		270558277	KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
302	Nguyễn Văn Thanh	1/2/1959		270662308	KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
303	Huỳnh Thị Em		05/02/1939	270630555	KP4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
304	Trần Thị Hào		9/5/1956	270560345	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
305	Phạm Đức Thái	9/12/1955		271048306	Kp3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
306	Châu Thị Tư		01/01/1937	272790395	KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	500.000	Chết 14/4
307	Nguyễn Thị Nhã		1/1/1957	272003307	KP3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	Đa thương
308	Phạm Văn Thu	1/1/1957		272014959	KP4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	600.000	Đa thương 900.000đ vé số
309	Ng. Văn Trường	1/1/1927			KP6	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
310	Phùng Thị Minh		8/6/1957	210470219	KP5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
311	Hoàng Thị Đông		10/6/1957	270584198	KP6	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
312	Nguyễn Thị Diệp		6/3/1950		Kp6	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
313	Dương Thị Lành		7/2/1955	270525500	KP3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
314	Phan Văn Thông	5/5/1950		272003155	KP5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
315	Đỗ Văn Đăng	1/2/1959			Kp4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
316	Trần Ngọc Bá	1/1/1958		230120043	KP4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
317	Trần Thị Loan		10/3/1958	270582605	KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
318	Nguyễn Thị Sanh		7/10/1939	271728363	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
319	Đỗ Văn Chắc	1/1/1924		270539059	KP4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
320	Võ Thị Tư		1/1/1941	270582616	KP6	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
321	Võ Ngọc Sinh	20/3/1952		270120376	KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
322	Huỳnh Thị Thu Cúc		26/10/1952	271517774	KP4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
323	Lê Thị Kim Liên		1/1/1958	270560348	Kp3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
324	Nguyễn Thanh Sơn	12/8/1952		270561932	Kp6	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
325	Dương Cẩm Tú		3/2/1952	270702641	Kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
326	Lã Văn Tiến	17/9/1958			KP3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
327	Hồ Doãn Chương	14/8/1958			KP3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
328	Huỳnh Thị Phước		21/07/1954	230120043	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
329	Ng. Thị Chuông		1/1/1939		Kp3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
330	Nguyễn Thị Ân		1/1/1931		KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
331	Phạm Thị Lanh		1/1/1947	270382658	KP6	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
332	Nguyễn Thị Lộc		10/6/1957		Kp4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
333	Nguyễn Thị Cảnh		2/2/1936		KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
334	Huỳnh Thị Lan		19/5/1993		KP3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
335	Ngô Lê M. Nhật	30/3/1983			KP6	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
336	Hoàng Văn Lý	1/1/2001			KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
337	Đoàn Thị Ng. Lan		17/7/1968	270916615	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
338	Đinh Thị Mỹ Lệ		1/1/1973		KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
339	Chị Chấn Sầu	1/1/1987			KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
340	Huỳnh Ngọc Hùng	1/1/1966		270791202	KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
341	Huỳnh Ngọc Mẫn	1/1/1975		271311136	KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
342	Võ Thị Thu Hương		1/1/1976	31539302	KP5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
343	Phan Ngọc Trâm	1/1/1990	1/1/1978	271294701	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
344	Nguyễn Hữu Toàn	3/1/1970		272396819	KP6	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
345	Lê Hoàng Thanh			270918955	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
346	Trần Thị Ngọc Liên		1/1/1964	271048421	KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
347	Huỳnh Kim Long	1/1/1968			KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
348	Nguyễn Hoài Long	1/1/1988			KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
349	Hoàng Văn Trung	11/5/1974		271295262	KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
350	Nguyễn Anh Tú	1/8/1964		270609102	KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
351	Lưu Chí Quang	24/5/1964			Kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
352	Mai Thanh Dũng	16/11/1967		272549331	KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
353	Lâm Văn Hùng	1/1/1963			KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
354	Vũ Thị Th. Xuyến		30/11/1987		KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
355	Châu Văn Thi	28/4/1960		270571486	KP5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
356	Lê Thị Thanh		29/4/1987	271801069	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
357	Nguyễn Hữu Hiền	17/8/1963		270583216	KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
358	Ng. Thị kim Văn		2/1/1974	271172464	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
359	Nguyễn Từ Hải	1/1/1967		271917913	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
360	Tiền Thị Ng. Quý		1/1/1989		KP3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19		
361	Trần Thị Miên		1/1/1962		KP6	Khuyết tật nặng	450.000	600.000	900.000đ vé số	
362	Phạm Hoàng Trần	10/7/1970		271228630	KP4	Khuyết tật nặng	450.000	600.000	900.000đ vé số	
363	Nguyễn Thành Long	13/03/2000		272836481	KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
364	Ng. Thái D Từ Chánh	1/1/1998			KP3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
365	Phan Thị Lệ Thủy		1/1/1964	270791407	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
366	Võ Ngọc Ph. Anh	1/1/1996		272450412	KP3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
367	Hong Chay Sáng	1/1/1976		271514975	KP3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
368	Nguyễn Thị Hạnh		1/1/1972		KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
369	Đinh Duy Bảy	10/8/1973			KP6	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
370	Nguyễn Minh Xuân	28/7/1997			KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
371	Võ Văn Đông	18/11/1989		271835141	Kp4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
372	Lê Thị Hồng Loan	1/1/1973		272136968	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
373	Vũ Đình Trường	14/11/1973		271048436	KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
374	Trần Văn Quân	6/10/1973		272252870	KP5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
375	Lê Thị Ty	1/1/1965		272081645	KP6	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
376	Hoàng Đình Nhã	17/6/1980		271367457	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
377	Nguyễn Tường Duy	13/2/1982		271450858	KP3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
378	Nguyễn Nhật Khánh	6/3/2001			KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
379	Lê Văn Tân	12/8/1965		270583485	KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
380	Lê Minh Sơn	5/12/1968		270724471	KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
381	Trần Quốc Tuấn	1/2/1989		272081974	KP3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
382	Nguyễn Thị Tùng	13/3/1988		271834607	KP5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
383	Lương Văn Hà	1/1/1970			KP3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
384	Lưu Chí Thái	2/3/1972			KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
385	Nguyễn Thanh Tinh	1/1/1968		271395663	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
386	Nguyễn Ngọc Nghĩa	23/11/1989		271831771	KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
387	Lưu Quế Ban	1/1/1960			KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
388	Ng. Thụy Ngọc Trinh		27/10/1987	271831836	Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
389	Nguyễn Phi Hùng	20/09/1972		271075087	Kp3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
390	Nguyễn Hữu Trung	1/1/1968			Kp4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
391	Nguyễn Thị Diệp		1/1/1971	272753058	Kp6	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000		
392	Nguyễn Huy Hoàng	1/1/2003			KP5	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000		
393	Ng. Ngô Th. Trúc		1/1/2003		KP4	Trẻ em mồ côi	450.000	1.500.000		
2	PHƯƠNG XUÂN BÌNH									
394	1	Phùng Chấp Mười		1925	270385101	C29, KP 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	444.100.000

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
395	Nguyễn Đình Giao	1920		270877477	C40, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
396	Phạm Thị Kim		1925	270560894	C96, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
397	Nguyễn Chương	1925		210210634	B99, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
398	Phạm Thị Khánh		1925	272336705	Tổ 1, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
399	Dương Phụng		1925	270584506	Tổ 5, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
400	Nguyễn Giác	9/1928			KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
401	Vũ Thị Thụy		1930	270584323	C94, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
402	Lê Lào	02/1930		271917583	A94, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
403	Nguyễn Văn Thị	5/1929		270584648	C91, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
404	Nguyễn Thị Hạnh		1930	270838029	C64, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
405	Gip Công Cù		01/1929	270584479	E64, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
406	Lý Vĩnh Vá	02/1929		270584679	C29, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
407	Nguyễn Thị Hoa		1929	270585940	Tổ 1, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
408	Mông Shiết		5/1932	270584401	E62, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
409	Nguyễn Thị Ngọc		20/8/1933	270557404	C90, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
410	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		1935	270585118	B16, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
411	Nguyễn Chánh	1935		272081922	B120, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
412	Nguyễn Thị Đò		1935	270584525	C89, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
413	Vũ Đình Văn	02/02/1935		270584730	E52, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
414	Phạm Văn Hạnh	1935		270539988	K74, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
415	Đào Thị Lang		1936	291088170	Tổ 33, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
416	Lương Văn Thắng	1936		270789348	A1, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
417	Trần Thị Nguyệt		05/5/1933	272790758	C48, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
418	Đỗ Thị Chúc		1937	270584971	E2b, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
419	Nguyễn Thị Tàn		1937	210210445	B99, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
420	Lê Thị Chanh		1937	270524113	B4, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
421	Nguyễn Văn Hiếu	1937		270529872	E29, KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
422	Trần Thị Hòa		1937	270723789	KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
423	Âu Công Thân	1937		272758843	KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
424	Trần Quang Bách	1937		270585180	KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
425	Thòng A Tắc	8/1937		270584419	KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
426	Vòng Sênh Quay	10/2017		270584994	KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
427	Hoàng Thị Xuân Lộc		21/12/1937	270584809	KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
428	Nguyễn Thị Lăng		01/01/1938	270584861	KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
429	Nguyễn Thị Nảy		01/01/1938		KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
430	Trần Thị Nô		01/01/1938	270585173	KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
431	Nguyễn Thị Thâm		08/03/1938	270723618	KPI	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
432	39 Nguyễn Văn Ngỏ	05/04/1938		270584923	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
433	40 Văn Thị Chi Liên		02/06/1938	271988708	KP1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
434	41 Đỗ Thị Minh Nguyệt		05/12/1938	270564821	C59, khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
435	42 Lê Thị Tươi		10/12/1938	270585853	C59, khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
436	43 Nguyễn Khang	1939		270584308	33, CVA, khp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
437	44 Trần Thị Thuần		1939	270536786	40/2C, HV, kp1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
438	45 Nguyễn Thị Tươi		1939	270585110	A107, khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
439	46 Thạch Thị Chúng		03/03/1939	220265969	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
440	47 Lê Thị Dệt		10/10/1939	272003620	L44/1, khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
441	48 Đinh Trung Nghi	01/01/1940		270917213	16, khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
442	49 Huỳnh Văn Nhu	01/01/1940		271816530	Khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
443	50 Trần Thị Théo		03/02/1940		A94, khu phố 1	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
444	51 Vòng Thành Gìn	9/1929		270561863	G62, Kp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
445	52 Nguyễn Thị Hiền		01/1930	270585346	G85, Kp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
446	53 Nguyễn Thị Thiều		4/1930	270585258	E95, Kp 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
447	54 Phan Thị Hoa		1935	300502638	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
448	55 Lê Văn Hữu	1925		272003231	K60, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
449	56 Nguyễn Văn Huân	5/1930		270580186	K36, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
450	57 Huỳnh Thị Mươi		1927	270585233	G91, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
451	58 Nguyễn Thị Tình		1930	272030365	Y76, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
452	59 Nguyễn Văn Lương	1927		270585348	Tổ 17, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
453	60 Nguyễn Thị Thanh		1931	ko có	L39, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
454	61 Phạm Thị Liên		01/1929	270585786	G11, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
455	62 Phạm Thị Tuất		1931	270585353	G25, KP 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
456	63 Trần Thị Sáu		3/1927	không có	Tổ 17, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
457	64 Huỳnh Văn Phước	1932		270547320	K51, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
458	65 Ninh Khắc Đóa	10/1932		270585628	G21, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
459	66 Nguyễn Thị Trinh		5/1932	270580419	Y100, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
460	67 Nguyễn Thị Ế		1933	270585716	D9, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
461	68 Đỗ Thị Nhài		1/1/1932	270580211	Tổ 21, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
462	69 Phan Hòa	11/8/1933		270585278	L44/7, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
463	70 Thái Thị Nam		1934	270651955	Y73D, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
464	71 Nguyễn Văn Tiến	1933		270585562	D9, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
465	72 Võ Thị Đông		1934	270582454	kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
466	73 Nguyễn Huy Phòng	10/5/1934		270580021	K64, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
467	74 Vũ Thị Tôn		01/01/1934	272497425	D21, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
468	75 Phạm Đình Duy	1935		270585784	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
469	Nguyễn Thị Nhàn								
470	Mai Kỳ	06/02/1935	1935	270539977	Y77, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
471	Chu Thị Lua			270580134	L26, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
472	Nguyễn Thị Côi	22/7/1935		270585670	G21, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
473	Ngô Thị Ái		1936		Đ9, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
474	Nguyễn Thị Nhung		08/10/1935	272634826	K54, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
475	Nguyễn Thị Tấn		1936	270136064	Tổ 17, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
476	Trần Văn Cách		1936	270585413	E69, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
477	Nguyễn Thị Huệ	1936		270580237	K71, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
478	Đặng Thị Quy		1936		Y82, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
479	Thần Thị Định		1937	270585516	E75, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
480	Nguyễn Thị Sư		10/1937	2701636803	L44/2, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
481	Nguyễn Thị Xuân Lan		1937	1270585536	E79, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
482	Nguyễn Thị Huệ		1937	272003327	KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
483	Ngô Thị Bán		1937	270158399	Y78, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
484	Huỳnh Thị Hira		1937	270580352	K55, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
485	Đỗ Thị Thăm		1937	270585332	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
486	Nguyễn Thị Ngự		1937	270539579	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
487	Mai Trần Ngọc	1937	1/1/1937	270580008	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
488	Nguyễn Văn Tuấn	1937		270585621	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
489	Nguyễn Thế Hùng	9/1937		270685700	Đ101, KP2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
490	Đỗ Liên	05/4/1938		270119632	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
491	Dương Hồng Đức	01/01/1938		270585534	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
492	Phạm Đình Linh	12/06/1938		272014153	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
493	Phan Văn Sanh	1939		271075284	Kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
494	Phạm Văn Quyền	20/4/1939		271075239	Đ49, kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
495	Nguyễn Thị Thiều		1939	270585559	K16, khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
496	Trương Văn Mai	24/04/1939		276074099	G55, kp2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
497	Trương Thị Chín		01/01/1940	270585340	K52, khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
498	Hồ Thị Bi		05/01/1940	270580373	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
499	Đỗ Anh Quyết	01/01/1940		272255403	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
500	Nguyễn Thị Yến		01/01/1940	270580012	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
501	Nguyễn Hoàng	01/01/1940		271905244	Khu phố 2	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
502	Lưu Văn Cường	1928		270582831	023, KP 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
503	Lê Thiệt	1931		270537062	N99, KP 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
504	Nguyễn Thị Chút		1918	272109024	N53, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
505	Phạm Thị Ngưu		1925	270836659	N100, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
506	113 Mai Chi	1928		ko có	N67, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
507	114 Nguyễn Văn Thòa	6/1927		270585272	N85, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
508	115 Nguyễn Văn Túc	1930		270539818	Y15, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
509	116 Đặng Thị Nghiên		1929	270585277	N85, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
510	117 Đoàn Văn Ngựa	1932		270582309	N31, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
511	118 Đinh Văn Huệ	1932		270917596	N3, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
512	119 Huỳnh Thị Cúc		7/1932	271836130	E92, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
513	120 Mai Thị Xuân		1933	270539642	N35, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
514	121 Nguyễn Thị Giáp		1933	270580053	Y5b, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
515	122 Huỳnh Thị Kim		1934	270539761	Y75, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
516	123 Nguyễn Thị Đa		1935	270539605	N32b, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
517	124 Lưu Văn Thọ	10/5/1935		200655498	Tổ 23, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
518	125 Lê Thị Hoa		09/9/1935	200655476	Tổ 23, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
519	126 Trần Thị Lập		23/9/1935	200092118	Y6, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
520	127 Hoàng Thị Liên		1936	272047830	N6, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
521	128 Huỳnh Phách	10/3/1936		270580269	Y47, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
522	129 Trần Thị Bết		1937	270539514	N61, KP3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
523	130 Hồ Cư	01/07/1937		270539349	N13, khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
524	131 Nguyễn Thị Hải		1/12/1937	270539498	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
525	132 Đinh Văn Bài	01/01/1938		270573140	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
526	133 Trần Thái Hiệp	25/12/1937		270539706	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
527	134 Phan Thanh Bình	01/12/1938		271452032	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
528	135 Huỳnh Ngọc Châu	12/4/1939		270539691	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
529	136 Hồ Thị Ngọc Thu		1940	27039772	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
530	137 Hồ Thị Quý		1940	271675493	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
531	138 Trần Thị Thương		01/01/1940	270789449	Khu phố 3	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
532	139 Trương Thị Thế		1930	2705229783	O54, KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
533	140 Phạm Văn Tinh	1930		270589353	O56, KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
534	141 Võ Thị Tim		9/1924	190028094	O54, KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
535	142 Phan Thị Hoa		1935	270551696	O55b, KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
536	143 Trần Văn Buôn	20/3/1936		271075483	O68, KP4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
537	144 Nguyễn Đăng Liên	1940		361379809	Khu phố 4	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
538	145 Trương Thị Hồng		5/1929	270585057	Tổ 1b, KP 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
539	146 Ngô An	1930		270998536	Tổ 3, KP 5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
540	147 Phạm Thị Giới		1932	272352766	Tổ 35, KP5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
541	148 Nguyễn Thị Châu		1932	271975448	D88, KP5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
542	Bùi Thị Đường		1926	180777413	Chu Văn An, KP5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
543	Nguyễn Thị Gái		1934	270877562	Chu Văn An, KP5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
544	Nguyễn Thị Cúc		1936	270585453	Tổ 6, KP5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
545	Nguyễn Thị Thơm		1937	270584819	KP5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
546	Hoàng Văn Tác	1937		272003892	KP5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
547	Hồ Thị Âm		16/9/1937	270322540	KP5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
548	Nguyễn Danh	1938		241289330	KP5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
549	Triệu Hoàng Lân		04/1939	272423315	KP5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
550	Bùi Thị Mơ		1940	272081191	KP5	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
551	Mai Thị Hạnh		08/9/1961		khu phố 2	Thành viên hộ nghèo từ 55 đến 60 tuổi	300.000	1.500.000	
552	Lâm Văn Thành	1961		272030183	B106, KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
553	Lâm Thúy Vân		3/2/1995	272423877	C108, KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
554	Lê Bùi Quỳnh Anh		11/1997		730, QL1, KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
555	Trần Xuân Vũ	19/3/1994		272752691	A42, KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
556	Đặng Thanh Trung	31/7/1979		271367079	B104, KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
557	Lê Trọng Phúc	14/02/2001			G37, KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
558	Nhìn Đức Thắng	02/12/2001			E64, KP1	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
559	Nguyễn Quốc Việt	1968			Đ3b, KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
560	Mai Thanh Dũng	8/6/1972		271075256	Đ15, KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
561	Trương Văn Hào	20/02/1961		272204072	G52b, Khu phố 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
562	Mai Anh Dũng	1971			Khu phố 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
563	Nguyễn Huy Hoài	1964		270580045	L32, KP2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
564	Giáp Thị Mỹ Trang		11/10/1970	363934584	Khu phố 2	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
565	Nguyễn Thanh Liêm	11/10/1981			Y39, KP3	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
566	Nguyễn Thị Ngọc Phương		1986		Tổ 4, KP4	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
567	Hồ Thị Trâm		5/1976		Tổ 3, KP5	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
568	Lê Thị Như Ý		1995		KP5	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
569	Mai Ngọc Thiêm	1971		271476448	khu phố 5	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
570	Hoàng Vũ	1997		272707147	20/13, CVA, kp5	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
571	Hồ Thị Ngọc Anh		6/3/2000		Tổ 35, KP5	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
572	Đỗ Nguyễn Anh Kiệt	4/2010			E30, KP1	Khuyết tật nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
573	Hà Đăng Khoa	29/4/2014			QL1, KP1	Khuyết tật nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
574	Huỳnh Nhật Long	27/11/2012			G87, KP2	Khuyết tật nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi lương Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
575	182	Hoàng Tấn Minh Quân	04/12/2011		D48, KP2	Khuyết tật nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
576	183	Ngô Quỳnh Bảo Trân	6/1/2009		Tổ 1, Kp4	Khuyết tật nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
577	184	Đặng Thị Nôi	1922	270527314	A32, KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
578	185	Lương Ứng Mùi	4/1930	270584840	C18, KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
579	186	Võ Thị Long	1916	272586621	C16, KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
580	187	Trương Xuân Hồ	12/12/1933	271521315	A7, tổ 4, KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
581	188	Phạm Thị Biên	1937	272634449	E67, KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
582	189	Đoàn Thị Kim	10/1958	140231847	Tổ CD79, KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
583	190	Châu Cùn Đường	1946	270584574	A84, khu phố 1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
584	191	Phạm Thị Thu	1938	220310724	Chùa Long Thọ, KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
585	192	Nguyễn Văn Năm	1929	270585090	KP 1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
586	193	Vũ Đình Đò	1932	270584464	E53, KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
587	194	Cao Thị Vân	15/01/1949	270584318	Khu phố 1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
588	195	Nhìn Sỹ Mùi	7/1/1954	270973051	C78, Khu phố 1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
589	196	Lâm Văn Quang	1960		B106, KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
590	197	Lâm Kim Kiệt	1960	366004127	A93, KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
591	198	Huỳnh Thị Huệ	1942	272014450	Chùa Long Thọ, KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
592	199	Phạm Thị Đông	1933	020505882	Khu phố 1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
593	200	Trần Trọng Quang	08/05/1956	270137260	Tổ 33, khu phố 1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
594	201	Vũ Thị Cây	1937	270580133	Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
595	202	Nguyễn Thị Nhàn	1918	270585285	D11, KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
596	203	Lê Văn Còn	1945	270546897	D73, KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
597	204	Vũ Quang Hào	1925	272030364	Y76, KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
598	205	Bùi Thị Lý	28/11/1942		K79, KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
599	206	Nguyễn Văn Bảo	1937	271851050	D3b, KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
600	207	Phạm Ngọc Danh	1941	272014281	KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
601	208	Nguyễn Thị Mai	1956	270154838	G89, khu phố 2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.000.000	Chết TS/2020
602	209	Nguyễn Văn Thiệp	1947	270585774	D24, khu phố 2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
603	210	Lưu Hữu Phước	1953	270547477	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
604	211	Nguyễn Văn Kinh	12/8/1936	271075450	D17b, KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
605	212	Nguyễn Thị Hiền	12/1932	270580214	K19, KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
606	213	Nguyễn Thị Thảo	1/1/1958	271917488	D45, khu phố 2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
607	214	Nguyễn Thị The	1937	270580398	G26, KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
608	215	Phạm Thị Nghĩa	14/9/1934	270580376	K42, KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
609	216	Nguyễn Văn Ý	1949	271836982	N87, KP3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
610	217 Trương Tỷ	1926		270580079	N40, KP3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
611	218 Hồ Văn Hoa	15/9/1937		270539586	N14, Kp3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
612	219 Đinh Thị Vĩnh		20/2/1947	270539584	N41, khu phố 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
613	220 Phạm Thị Quy		1948	270539568	O48, Kp3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
614	221 Lê Trung Ôn	12/01/1958		272294333	Y3B, KP3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
615	222 Nguyễn Thị Lý		1928	270539897	033, KP3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
616	223 Nguyễn Văn Soul	1939		270877381	Y18, kp3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
617	224 Lê Thị Đồng		01/01/1936	270539704	KP3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
618	225 Phan Thị Cừ		02/1930	270539910	Y1, KP3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
619	226 Nguyễn Thị Strong		1932	270539535	N67, KP3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
620	227 Nguyễn Thị Út		1921		N27, KP3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
621	228 Mai Thị Công		01/01/1938	270539534	Khu phố 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
622	229 Hồ Thị Cúc		1939	270539572	Khu phố 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
623	230 Võ Thị Tuyết Nga		1940	270486512	Khu phố 3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
624	231 Dương Thị Huệ	21/11/1937	1959		N7, Kp3	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
625	232 Nguyễn Hà				Kp5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
626	233 Thái Thị Minh Hương		25/5/1955	271897539	Tổ 35, khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
627	234 Hoàng Thị Chuyên		1940	270960001	Tổ 28, khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
628	235 Đào Thanh Cấn	12/1973			128, QL1, KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
629	236 Nguyễn Thị Thùy Trâm		11/1988	271372686	QL1, Tò 1, KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
630	237 Đào Thanh Dân	1962			128 QL1, KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
631	238 Nguyễn Văn Phước	1972			Tò 6, KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
632	239 Trần Thanh Tuấn	1973		271806822	139A, HV, kp1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
633	240 Trần Thị Ngọc Tuyết		5/10/1962	270585013	B104, khu phố 1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
634	241 Đỗ Thị Kim Cẩm		07/5/1967		G15, KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
635	242 Nguyễn Minh An	1972		272236974	L21, KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
636	243 Nguyễn Thanh Sơn	6/1968			Đ84, KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
637	244 Nguyễn Kinh	9/1976		271294154	K95, KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
638	245 Nguyễn Tấn Khai	1971			Y75, KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
639	246 Nguyễn Hữu Thành	10/1977		272423941	K59, KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
640	247 Đặng Đình Viễn	11/1967		270877022	đường 21/4, Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
641	248 Nguyễn Ai Phương		12/1989	271825825	L32, Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
642	249 Trần Minh Đức	12/1988		271835825	K5c, QL1, Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
643	250 Thỏ Ngọc Phi Vũ	12/1983		271603686	Tổ 17, Kp2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
644	251 Nguyễn Thùy Ngọc Trâm		02/02/1993	272235867	K65, KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
645	252 Nguyễn Thị Xuân Hương		01/01/1971		G1A, KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
646	253 Vong Huy Vũ	30/4/1992			G62, KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
647	Phạm Việt Hưng	06/6/1961		271975456	G6, KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
648	Nguyễn Phú Báu	20/01/1964		270585596	G89, KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
649	Nguyễn Thị Mộng Diệp		12/11/1971	272874946	Y87, KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
650	Lý Quang Hiếu	26/6/1963		270582440	J11, KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
651	Đào Nguyễn Cao Cường	8/2003			K29, KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
652	Nguyễn Văn Phước	16/3/1970		270877424	K36, khu phố 2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
653	Đỗ Thị Bích Thủy		1965	270877228	O43, KP3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
654	Phạm Thị Tuyết		1972		TT XNN, KP3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
655	Lê Quốc Kha	09/25/1963		270137623	Y74, KP3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
656	Lê Minh Tuấn	17/12/1972		271075384	Y29, KP3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
657	Nguyễn Đức Sang	02/6/1983		271526221	N43, KP3	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
658	Trương Công Phú	1970		361519782	Tổ 4, KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
659	Nguyễn Ngọc Tố Hà		1971	272496925	H10, KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
660	Phùng Thủy Uyên Thảo		03/6/1981	271406835	O55c, KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
661	Phùng Minh Huy	12/8/1988		271896104	O55c, KP4	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
662	Trần Hữu Tiến	1982			QL1, KP5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
663	Trần Thị Kim Đào		20/02/2000		Tổ 29, Kp5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
664	Nguyễn Văn Quang	1965		270584849	A35, KP1	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
665	Mai Trần Hoàng	1967		270877534	G3, KP2	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
666	Trần Minh Quyền	1999		272672732	Tổ 35, kp5	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
667	Cao Minh Trí	10/10/2008			KP2	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
668	Nguyễn Thị Hải Ngân		15/11/2005		kp1	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
669	Ngô Thị Ngọc Trâm		8/2/2012		khu phố 5	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
670	Tăng Thành Phát	04/02/2008			KP4	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
671	Trần Anh Khoa	08/5/2013			CD79, kp1	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
672	Nguyễn Hoàng Minh Thiện	13/12/2013			Khu phố 5	Khuyết tật nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
673	Lê Văn Huỳnh	1955		270575172	Kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
674	Đỗ Thị Diệu		10/1956	270584889	E32, KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
675	Phạm Đức Hùng	12/1957			E26, KP1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
676	Nguyễn Xuân Thín	10/10/1952		271048632	K61, KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
677	Bùi Thị Ai		10/3/1954	272496696	19, CVA, kp1	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
678	Nguyễn Đức Văn	01/02/1951		270583344	G9, KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
679	Nguyễn Văn Quý	06/3/1948		270446147	G5, KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
680	Nguyễn Thị Hân		1950	170585430	Đ11, KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
681	Vũ Quang Đại	08/7/1957		270585639	E96, KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
682	Nguyễn Đình Tùng	01/1957		270565499	Y75C, Kp2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
683	Mai Thị Nhiễm		1/1/1948	270539969	Khu phố 2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
684	Nguyễn Văn Tới	25/01/1960		270585265	E98, KP2	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
685	Phạm Thị Hoa		9/1955	272397897	O54, KP4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
686	Nguyễn Văn Dân	12/1959		270580075	H20, KP4	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
687	Trần Minh Tông	10/1943		271718495	Tổ 29, KP5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	600.000	900.000d vé số
688	Trần Thị Duy Tinh		10/1950	270159729	D41, QL1, KP5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
689	Lê Văn Phúc	30/9/1953		270571279	Khu phố 5	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
690	Nguyễn Minh Sang (Lưu Kim Hồng)	01/2010			Đ73, KP 2	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
3	PHƯỜNG XUÂN HÒA							345.800.000	
691	Lê Minh Thiện	13/07/2005		90/5 NVC KP 1		Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
692	Trương Phan Thủy An		14/12/2005	Tổ 7 KP 2		Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
693	Dương Cao Tuệ Nhã		17/08/2004	606 H.HV KP 3		Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
694	Nguyễn Thu Tháo		17/03/2014	430/29 -T.13- KP 2		Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
695	Lê Sỹ Phúc	7/22/2008		696, H.HV, KP3		Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
696	Nguyễn Hoàng Phúc	8/3/2000		22 HBT KP 3	272707659	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
697	Phạm Anh Phong	28/10/2003		Tổ 13 KP 2		Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
698	Trịnh Thị Xuân Trịnh Thị Bảo Châu Trịnh Hiến Văn Quang	13/03/2014	1982 16/11/2012	T 12 - K 2	272163984	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng	600.000	1.500.000	
699	Nguyễn Thị Liễu		1/1/1928	876-KP4	270573685	Người có đơn trên 80 tuổi là hộ nghèo	600.000	1.500.000	
700	Phan Thị Bằng		20/01/1940	1012 KP 2	272497413	Người có đơn trên 80 tuổi là hộ nghèo	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đội tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
701	11 Cao Thị Thìn		1/1/1926	T 3 - K 4	270539540	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
702	12 Lê Thị Như		1/1/1923	648-KP3	270573412	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
703	13 Lưu Thị Vững		1/1/1921	507-KP1	270816585	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
704	14 Trần Đình Huế		1/5/1924	126-KP3	270573061	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
705	15 Nguyễn Thị Liên		1/1/1931	23-KP 1	270572147	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
706	16 Bùi Thị Loan		1/1/1930	T2-Kp2	Mất không làm đo giả	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
707	17 Đặng Văn Học		1/1/1929	438-Kp3	270572901	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
708	18 Huỳnh Thị Cải		25/08/1927	626-Kp3	270573684	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
709	19 Lê Dân		20/10/1928	787-Kp4	270573695	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
710	20 Nguyễn Nam Dân		2/6/1931	Tổ 11 -KP 2	270572342	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
711	21 Lê Bá Phan		1/1/1931	184 -KP 4	270573247	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
712	22 Đỗ Thị Thắm		1/1/1931	T.3-Kp4	272014711	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
713	23 Nguyễn Văn Quý		1/1/1931	713-K3	271074911	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
714	24 Nguyễn Thị Ngọc Yến		1/1/1932	58 -K 5	270538109	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
715	25 Lê Thị Thế		1/1/1932	T6-K4	270573202	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
716	26 Đỗ Văn Thường		12/2/1932	89 -K1	270572759	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
717	27 Nguyễn Thị Ước		1/1/1933	189/4 K1	272109210	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
718	28 Nguyễn Văn Lộc		14/01/1933	397 -K3	270572960	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
719	29 Nguyễn Thị Bình		1/1/1933	395A - K3	270580061	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
720	30 Phạm Thị Hoi		1/1/1933	367-K1	270572493	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
721	31 Văn Thị Thảo		15/10/1933	04A-K1	190370844	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
722	32 Nguyễn Thị Lợi		0/0/1934	283 QT-K1	270573581	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
723	33 Đoàn Thị Quà		0/0/1934	207 QT-K2	270552481	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
724	34 Nguyễn Thị Kim Anh		0/0/1934	462/1-K2	270574149	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
725	35 Nguyễn Thị Gái		15/02/1933	64/30 KP 3	270572809	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
726	36 Bùi Thành Công		5/4/1934	139/7 KP 1	270572602	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
727	37 Mai Thị Đây		1/6/1934	265 K 1	270584410	Người cao tuổi	300.000	500.000	Chết 10/4/2020
728	38 Lê Đình Lâm		8/9/1934	603 KP 3	210311499	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
729	39 Nguyễn Thị Thoại		10/9/1934	Tổ 6 KP 2	270572999	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
730	40 Nguyễn Văn Bài		1/1/1935	185 NVC KP 1	270572663	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
731	Nguyễn Kim Hoa		1/1/1935	191/20 KP 1	270573405	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
732	Nguyễn Thị Kén		1/1/1935	379 NVC KP 1	270573350	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
733	Huỳnh Thị Hòn		1/1/1935	124/29/7 NT -KP 2	270573728	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
734	Phan Thị Hộ		1/1/1935	197/3-T.9 KP 3	270573500	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
735	Bùi Thị Ban		1/1/1935	44/3 QT KP 3	270572902	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
736	Lê Thị Thị		2/3/1935	433-K 3	270573152	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
737	Nguyễn Quang	10/6/1935		554 -K 3	270137059	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
738	Lê Thị Mai		5/7/1935	Tổ 7 - K2	270573510	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
739	Nguyễn Thị Thôn		1/1/1936	495 KP 3	270573215	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
740	Ngô Văn Sóc	1/1/1936		139 KP 4	270968999	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
741	Nguyễn Thị Khuyh		1/1/1936	130 KP 4	272587372	Người cao tuổi	300.000	500.000	Chết 11/4/2020
742	Nguyễn Thị Len		1/1/1936	180 THT KP 3	270580146	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
743	Chu Thị Thê		1/1/1936	595 HV KP 3	270573823	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
744	Nguyễn Văn Toàn	2/1/1936		492 NVC KP 3	271295012	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
745	Trần Cao Chức	4/2/1936		Tổ 3 KP5	271405262	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
746	Nguyễn Thị Gái		1/7/1936	867 QT KP 4	21402574	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
747	Nguyễn Văn Ba	2/3/1936		Tổ 9 KP 2	270573245	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
748	Lâm Hạc Nghi	2/11/1936		149/68 KP 1	270572601	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
749	Hoàng Thị Tịnh		1/1/1930	126 NVC KP 1	270572833	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
750	Phạm Thị Nữ		27/12/1936	60 THT KP 3	270573952	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
751	Trần Ngọc Thành	2/1/1937		54 H.HV KP 1	270011808	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
752	Trần Thị Quyết		1/1/1937	Tổ 3 KP 5	272204338	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
753	Nguyễn Công	1/1/1937		98 N/Trái KP 5	271321131	Người cao tuổi	300.000	1.000.000	Chết 11/5/2020
754	Nguyễn Thị Ninh		1/1/1937	138 THT KP 3	270573507	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
755	Nguyễn Thị Thôi		1/1/1937	407 QT KP 3	270573231	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
756	Mai Văn Triều	1/1/1937		83 THT KP 3	270573891	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
757	Nguyễn Thị Lum		1/1/1937	191/55 NVC, KP 1	270572674	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
758	Phạm Thị Cúc		1/1/1937	109 QT KP 1	270572362	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
759	Trần Thị Hương		1/1/1937	675 Tổ 11 KP 3	270573221	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
760	Đỗ Thị Ba		1/1/1937	2/22 QT KP 3	270561603	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
761	Nguyễn Thị Đậu		12/2/1929	167 QT KP 2	270573016	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
762	Nguyễn Đình Thị Diên		1/1/1937	54 hẻm HV - KP 1	270572842	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
763	Huỳnh Hào	27/7/1937		455 NVC - KP 3	270572896	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
764	Nguyễn Phê	9/9/1937		16 QT KP 3	272136868	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
765	Nguyễn Thị Kim Lê		6/10/1937	149/16-HV KP1	270572464	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
766	Đặng Thị Hoa		4/9/1937	175B - KP1	272872819	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
767	Trần Văn Lộc	26/10/1937		19-Q. Trung - KP1	270572356	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
768	Mai Đức Tào	22/10/1937		80-THT - KP3	270857668	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
769	Đặng Thị Hiệp		12/8/1937	872 - Qtrung-KP4	270573520	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hằng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
770	Nguyễn Thị Xuyên		4/12/1937	679 - HBT - KP3	270574158	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
771	Nguyễn Thị Thọ		1/1/1934	69H - QT - KP1	270562335	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
772	Nguyễn Đại Xá	5/2/1933		69H - QT - KP1	270562307	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
773	Trần Phi Phụng		1/1/1938	880 - QT - KP4	270580025	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
774	Đoàn Thôn	1/1/1938		191/3/24, NVC - KP1	270572467	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
775	Nguyễn Thị Mùi		1/1/1938	197/20 - HV - KP3	270573487	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
776	Ngô Văn Là	1/1/1938		127/3 THT - KP4	270526650	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
777	Dương Thị Triết		1/1/1938	164 NTMK - KP4	270573258	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
778	Tô Thị Em		1/1/1938	195 QT - KP2	270573811	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
779	Trần Nông	1/1/1938		Tổ 3 - KP5	270573735	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
780	Đoàn Chí Tâm	10/2/1938		248/2 - Nguyễn Trãi - KP2	270917453	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
781	Nguyễn Văn Đạo	1/1/1938		217/29/7 - HV - KP3	270574086	Người cao tuổi	300.000	500.000	Chết 23/4/2020
782	Phạm Thị Kim Huệ		7/19/1938	31-THT - KP3	270512933	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
783	Lê cầu	8/12/1938		195, NT, KP2	270651422	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
784	Nguyễn Thị Màu		8/21/1938	50, THT, KP3	272030524	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
785	Nguyễn Thị Dâu		10/10/1938	613 - KP3, P.XH	270573670	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
786	Nguyễn Thị Lý		1/1/1939	132, CMT8, KP1	270572669	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
787	Nguyễn Thị Nga		1/1/1939	191/3/24, NVC, KP1	270572636	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
788	Phùng Thị Giao		1/1/1939	761, KP4	270.573.585	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
789	Nguyễn Thị Lan		1/1/1939	217/29/7, HV, KP3	270.574.083	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
790	Mai Thị Chói		3/20/1939	419, QT, KP4	270651273	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
791	Nguyễn Thị Trưa		1/1/1939	64/11, QT, KP4	270573184	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
792	Trần Thị Ngọc Mai		4/19/1939	191/3/20, KP1	270572754	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
793	Nguyễn Thị Vi		1/1/1937	367, QT, KP1	272450320	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
794	Trình Thị Dương		9/12/1939	KP2	272081911	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
795	Trần Thị Luôn		10/18/1939	19, QT, KP1	276572357	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
796	Nguyễn Thị Thái		5/13/1930	Tổ 8, KP2	180212596	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
797	Phạm Thị Mật		1/1/1940	Tổ 12, KP2	272790387	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
798	Phạm Thị Sợi		1/1/1940	Tổ 12, KP2	272790149	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
799	Lê Tấn Sơn		1/1/1940	65, KP1	270572811	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
800	Hồ Thị Bốn		1/1/1940	Tổ 11, KP 3	270573543	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
801	Dương Thị Cẩm		1/1/1940	139/1, KP 1	272003250	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
802	Vô Thị Mai		1/1/1940	120, NVC, KP1	270572784	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
803	Nguyễn Đình Lang		10/11/1939	217/29, KP3	270917543	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
804	Nguyễn Thị Nhan		1/1/1940	191/42, KP1	270573298	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
805	Nguyễn Văn Thới		1/1/1940	Tổ 7, KP2	270537524	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
806	Nguyễn Thị Xoa		1/1/1940	Tổ 11, KP2	276007768	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
807	Phạm Thị Tuyết		2/15/1940	KP3	270573989	Người cao tuổi	300.000	1.500.000	
808	Nguyễn Thị Ánh Hồng		6/7/1951	T 7-K2	270573432	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
809	Hoàng Thị Riem		18/05/1936	191/2-K1	270563393	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
810	Mai Thị Hương		1/1/1937	162/21/22-4	271806668	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
811	Đào Thị Mừng		0/0/1941	189/43 KP 1	271897692	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
812	Phan Văn Hồng		19/05/1938	Tổ 12 KP 2	272163953	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
813	Huỳnh Thị Tăm		25/10/1939	248/2 NT KP 2	271917706	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
814	Vũ Thị Sim		24/02/1931	160-KP1	21295618	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
815	Nguyễn Thị Con		1/1/1937	155/26 NTMK.K2	272874299	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
816	Nguyễn Thị Châu		1/1/1925	822-K4	270573810	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
817	Mai Thị Thành		1/1/1935	821 QT KP 4	270573567	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
818	Nguyễn Thị Năng		1/1/1929	162/-K4	330232514	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
819	Đinh Thị Nga		1/1/1945	129 - THT - KP4	270573598	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
820	Nguyễn Đồng	1/1/1928		T11-KP2	270573279	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
821	Nguyễn Thị Văn		1/1/1934	82 - THT - KP3	270573995	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
822	Cây Xấp Mười		10/30/1940	118-CMT8-KP1	270560998	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
823	Nguyễn Thị Tiên		12/24/1944	154-NTMK-KP4	270573696	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
824	Nguyễn Văn Thuận	1/1/1943		235, NVC, KP3	272255535	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
825	Nguyễn Thị Hưng		15/09/1925	TT 8/3-K1	270568325	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
826	Vũ Thị Con		1/1/1932	516, THT, KP3	270537498	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
827	Nguyễn Hữu Thời	20/6/1958		701-K3	270573930	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
828	Nguyễn Xuân Mai	25/10/1930		531-Kp3	270917428	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
829	Nguyễn Trọng Tấn	26/10/1931		355 - K 1	270569375	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
830	Nguyễn Thị Nguyễn		7/14/1943	100, QT, KP4	270572838	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.000.000 Chết 5/5/2020	
831	Nguyễn Thị Hạnh		1/1/1943	Tổ7,NT, KP2	270572726	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
832	Phạm Văn Xê	1/1/1928		95-KP1	270572425	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
833	Nguyễn Thị Xuân Lan		20/12/1935	13 HV KP 1	270137203	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
834	Phạm Thị Giây		1/1/1921	372-KP1	270572587	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	750.000	1.500.000	
835	Lâm Phạm Thanh Dung		10/3/2004	24-KP1	Khai sinh	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
836	Lâm Anh Huy	17/12/2005		814-KP 4	Khai sinh	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
837	Nguyễn Thị Kim Ngân		15/12/2007	69B KP 1	Khai sinh	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
838	Nguyễn Thị Nga		9/9/2010	Tổ 12 KP 2	Khai sinh	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
839	Phan Trúc Thanh		9/8/2011	197/3- HV - KP3	Khai sinh	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
840	Nguyễn Thị Tuyết		17/03/1968	632-KP3	271075615	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
841	Dương Văn Thành	1/10/1965		447 - KP3	270821095	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
842	Đoàn Quang Vĩnh Cường	1/1/1973		52-KP1	Bệnh không làm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
843	Nguyễn Thị Tâm		1/1/1968	Tổ 1-KP 2	Bệnh không làm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
844	Nguyễn Minh Nam	1/5/1979		448-KP3	Bệnh không làm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tương Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
845	155 Nguyễn Hoàng Linh	10/9/1963		22-K 3	270572335	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
846	156 Võ Ngọc Trọng	1/1/1983		44/13-KP3	Bệnh không làm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
847	157 Phan Thị Thu Hằng		1/1/1974	733-KP4	Bệnh không làm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
848	158 Nguyễn Trọng Hiếu	14/05/1974		887-KP4	Bệnh không làm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
849	159 Nguyễn Quang Đông	1/1/1962		26/3-KP 5	Bệnh không làm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
850	160 Đỗ Nữ Yến Mỹ		10/10/1976	Tổ 3-KP5	Bệnh không làm	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
851	161 Nguyễn Thương Nghĩa	27/08/1984		Tổ 7-K1	270294926	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
852	162 Huỳnh Tấn Phúc	31/12/1976		132-KP 1	271228624	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
853	163 Nguyễn Thị Ngọc Huệ		8/11/1960	10 LTT KP 5	272634348	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
854	164 Bùi Văn Thống	26/7/1996		Tổ 12 KP 2	272872510	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
855	165 Nguyễn Oai Hùng	23/10/1968		Tổ 4 KP 2	270790697	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
856	166 Thái Huỳnh Khả Nhi		11/2/2001	695-KP3	Khai sinh	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
857	167 Mai Văn Hòa	8/2/1968		430/111/1 -HTH-KP2	272014858	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
858	168 Giảng Văn Trọng	2/25/1961		Tổ 12, KP2	272496658	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
859	169 Kiều Thị Kim Nga		8/20/1976	Tổ 2, KP2	271257596	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
860	170 Huỳnh Bá Tài	1/5/2004		906E-K4	Khai sinh	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
861	171 Nguyễn Hồng Quân	8/29/1982		Tổ 4 KP 2	122256051	Khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
862	172 Cao Hoàng Minh	1/1/1931		566 - KP3	270539219	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
863	173 Đoàn Tấn Mai	1/1/1951		580 -K3	270583588	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
864	174 Lý Cẩm Tú	1/1/1942		616-K3	270574183	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
865	175 Đặng Thị Châu	1/1/1942		Tổ 12-K2	272634057	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
866	176 Nguyễn Thị Bông		1/1/1932	629 -K3	270573544	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
867	177 Trần Đức Lễ	6/5/1940		182 QT KP 4	270573698	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
868	178 Mai Thị Xuân		0/0/1952	Tổ 1 KP 2	272137802	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí (đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp hàng tháng	Hỗ trợ Covid-19	
869	Nguyễn Ngọc Sương		1/1/1951	738-KP 4	270526649	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	600.000	900.000đ vé số
870	Nguyễn Thị Lốp		1/1/1939	Tổ 1-KP 2	272014669	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
871	Nguyễn Thị Mười		25/04/1946	189/13 NVC-K1	270572608	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
872	Danh Thị Kim Ngọc		1/1/1954	27 - K 1	270572483	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
873	Nguyễn Thị Muôn		20/01/1954	343-K1	270136204	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
874	Phan Thị Tuyết		1/1/1930	684A-k3	270538660	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
875	Phạm Tấn Huy	12/2/1951		38/2/5 CMT8-K1	272163468	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
876	Huỳnh Thị Vân		24/11/1953	7 LTT KP 5	270582548	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
877	Võ Thị Chót		1/1/1939	737 QT KP 4	270572800	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
878	Hoàng Đức Oanh	7/11/1948		44 THT KP 3	270573948	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
879	Lê Đại Thanh	3/9/1940		179 HV KP 3	271851185	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
880	Phan Thị Ngọc Tuyết		1/1/1958	69-K3	270586644	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
881	Nguyễn Văn Sơn	1/10/1958		T10 KP 2	272586664	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
882	Đinh Văn Quyền	7/12/1959		99-K1	270651564	Khuyết tật nặng là Người cao tuổi	600.000	1.500.000	
883	Nguyễn Mai Trúc		19/12/2006	Tổ 3 KP 4	Khai sinh	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
884	Nguyễn Đàm Nhật Hoàng	29/09/2006		765B-KP 2	Khai sinh	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
885	Nguyễn Ngọc Bảo Trân		5/19/2013	552, KP3	Khai sinh	Khuyết tật nặng là Trẻ em	600.000	1.500.000	
886	Lê Hoàng Bảo	5/12/1973		169-KP4	271075715	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
887	Nguyễn Viết Tuyền	15/08/1976		T12 - K 2	272352446	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
888	Nguyễn Hoàng Vũ	21/03/1983		Tổ 6-K2	27146999	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
889	Võ Tấn Thọ	28/02/1969		Tổ 8-K2	270857570	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
890	Trần Văn Phương	1/1/1969		283-KP 1	Bệnh không làm	Khuyết tật nặng	450.000	600.000	900.000đ vé số
891	Nguyễn Lê Quỳnh Như		8/3/1989	165B-KP1	Bệnh không làm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
892	Vũ Công Oánh	1/1/1974		179-KP1	Bệnh không làm	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
893	Nguyễn Văn Quốc	24/12/1962		165B-KP1	272109070	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
894	Vũ Đình Thoại	7/12/1974		170-KP1	271897205	Khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	